TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án Số: 06 /2019/KDTM-ST
Ngày: 31 - 10 - 2019
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Đòi lại tài sản từ giao dịch cầm cố"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT- THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thúy Kiên**
2. Bà **Lê Cẩm Huỳnh**

-*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Toà án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2019/TLST- KDTM, ngày 28 tháng 02 năm 2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Đòi lại tài sản từ giao dịch cầm cố"*, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần X**

Trụ sở chính: Số 229 TS, phường N, quận Đ, thành phố H.

Đại diện hợp pháp: Ông **Phan Văn T** – Chuyên viên xử lý và thu hồi nợ (Theo Giấy ủy quyền Số 03A/2019/UQ-GĐ ngày 15/01/2019 của bà Lê Thị Phương H – Giám đốc Chi nhánh C)

Địa chỉ: Số 110, đường C, phường C, quận N, thành phố C. (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông **Võ Văn H** – sinh năm 1974. (Có mặt)
- Bà **Huỳnh Thị Sáu N** – sinh năm 1971. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực P1, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Tô Kim A** – sinh năm 1976. (Có mặt)
- Bà **Lê Thị Kim C** – sinh năm 1978. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:*

Vào ngày 17/3/2015, giữa Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh C với ông Võ Văn H và vợ là bà Huỳnh Thị Sáu N có ký hợp đồng tín dụng số 59.165/2015/HĐTD-HKD/PGBank-CT.08 với nội dung Ngân hàng cho ông H và bà Sáu N vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), mục đích vay để bổ sung vốn mua bán lúa gạo, thời hạn vay 12 (mười hai) tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 10%/năm và chịu sự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP X. Phía Ngân hàng đã giải ngân cho ông H và bà Sáu N số tiền 800.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản nợ vay trên, giữa Ngân hàng và bị đơn có ký kết các hợp đồng thế chấp, gồm:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 590.165A/2015/PGBCT/BĐ.08 được công chứng ngày 23/3/2015 tại Văn phòng Công chứng Thốt Nốt) đối với quyền sử dụng đất số AN 223650, số vào sổ "H" 01908 do UBND huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Võ Văn H ngày 17/9/2008 tại thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khu vực P1 - phường T - quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 590.165B/2015/PGBCT/BĐ.08 được công chứng ngày 23/3/2015 tại Văn phòng Công chứng Thốt Nốt) đối với quyền sử dụng đất số AC 895721, số vào sổ "H" 00226 do UBND huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N ngày 07/7/2005 tại thửa đất số 1623, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp V - xã V - huyện Vĩnh Thạnh - thành phố Cần Thơ.

Quá trình vay vốn, phía bị đơn không thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 30/10/2019, bị đơn còn nợ lại ngân hàng số tiền:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 481.438.104 đồng;

Tổng cộng là: 1.281.438.104 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi như trên, và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/10/2019, theo nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi bị đơn thanh toán xong số nợ gốc nói trên.

** Bị đơn ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N trình bày và yêu cầu:*

Ông H và bà Sáu N thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh C, nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như phía đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Bị đơn thống nhất còn nợ lại Ngân hàng số tiền như đại diện Ngân hàng nêu trên là đúng.

Do quá trình làm ăn bị thua lỗ nên không thể trả số nợ trên cho Ngân hàng được. Nay qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông H và bà Sáu N đồng ý trả nợ, tuy nhiên xin thời hạn để bán đất trả nợ cho phía Ngân hàng, và xin được miễn giảm tiền lãi.

** Theo đơn yêu cầu độc lập và quá trình giải quyết, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Tô Kim A và bà Lê Thị Kim C trình bày và yêu cầu:*

Vào năm 2015, vợ chồng ông A và bà C có nhận cố đất của vợ chồng ông H, với diện tích đất khoảng 08 công tầm cắt (11.423,4 m^2), đất trồng lúa, thửa 1623, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại Ấp V - xã V – huyện Vĩnh Thạnh – Tp. Cần Thơ. Hai bên thỏa thuận, thời hạn cố đất là 02 năm (05/9/2015 đến 05/9/2017), với số tiền cố đất là 350.000.000 đồng; nếu đến hạn mà bên ông H không chuộc lại đất thì vợ chồng ông A được tiếp tục sử dụng. Khi cố đất có lập giấy tay "Giấy cố đất ruộng" đưa ông A giữ. Sau khi cố đất, vợ chồng ông A đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác. Tính đến nay đã quá thời hạn cố đất hơn 02 năm mà bên ông H vẫn chưa chuộc lại đất.

Lúc thỏa thuận, giao tiền cố đất thì vợ chồng ông A không biết thửa đất đó đã bị thế chấp tại Ngân hàng. Đến khi biết đã thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng, vợ chồng ông A có hỏi và vợ chồng ông H hứa sẽ tranh thủ lấy giấy đất ra, nhưng sau đó vợ chồng ông H vẫn không thực hiện đúng lời hứa.

Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông A và bà C có yêu cầu độc lập đòi vợ chồng ông H và bà Sáu N trả lại số tiền cố đất là 350.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, của các đương sự là đúng quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do có cơ sở.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N trả số nợ vay bao gồm nợ gốc và lãi, theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Ngoài ra, trong vụ án này người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Tô Kim A và bà Lê Thị Kim C có yêu cầu độc lập đòi bị đơn ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N trả lại số tiền cố đất, đây là quan hệ pháp luật về *"Đòi lại tài sản từ giao dịch cầm cố"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Qúa trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được nên vụ án được ra ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vào ngày 17/3/2015, giữa Ngân hang TMCP X – Chi nhánh C với ông Võ Văn H và vợ là bà Huỳnh Thị Sáu N có ký hợp đồng tín dụng số 59.165/2015/HĐTD-HKD/PGBank-CT.08 với nội dung Ngân hàng cho ông H và bà Sáu N vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), mục đích vay để bổ

sung vốn mua bán lúa gạo, thời hạn vay 12 (mười hai) tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 10%/năm và chịu sự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP X. Phía Ngân hàng đã giải ngân cho ông H và bà Sáu N vay số tiền 800.000.000 đồng. Hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi vay, ông Võ Văn H và vợ là bà Huỳnh Thị Sáu N đã không trả nợ đúng như thoả thuận trong hợp đồng, Ngân hàng nhiều lần thông báo nhắc nhở nhưng ông H và bà Sáu N vẫn không thực hiện như cam kết. Tính đến ngày (30/10/2019), ông H và bà Sáu N còn nợ Ngân hàng số tiền gồm:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 481.438.104 đồng;

Tổng cộng là: 1.281.438.104 đồng.

Xét thấy, việc Ngân hàng yêu cầu ông H và bà Sáu N trả số nợ gốc và các khoản lãi là căn cứ theo các Điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng (cụ thể Điều 1, Điều 3, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng) là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Ngoài ra, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay, giữa ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N với Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh C đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 590.165A/2015/PGBCT/BĐ.08 ngày 17/3/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 590.165B/2015/PGBCT/BĐ.08 ngày 17/3/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1304 - tờ bản đồ số 06, diện tích 423 m^2 (T + CLN), tọa lạc tại ấp P1, xã T, huyên Thốt Nốt (cũ) do ông Võ Văn Hường đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và thửa đất số 1623 - tờ bản đồ số 01, diện tích 11.000,4 m^2 (LUA), tọa lạc tại ấp V, xã V, huyên Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, do ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật, nên phát sinh hiệu lực. Do đó, trong trường hợp ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N không trả hoặc trả không dứt nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ (theo Điều 4 của Hợp đồng thế chấp) là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Về xác định diện tích thửa đất 1304 trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01908 do Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày 17/9/2008, thửa đất 1304 có diện tích là 423 m^2 (300 m^2 T + 123 m^2 CLN). Tuy nhiên, khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, phía Ngân hàng và bị đơn đồng ý trừ ra một phần đất mé rạch vì có nhà người khác đang ở trên đó, để không phải ảnh hưởng tới quyền lợi của họ trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp. Cho nên, theo Bản trích đo địa chính số 96/TTKTTNMT ngày 16/10/2019 của Trung tâm Kỷ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thể hiện diện tích thửa đất là 332,8 m^2 (300 m^2 ODT + 32,8 m^2 CLN). Như vậy, trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp thì chỉ xử lý trong phạm vi diện tích 332,8 m^2 đất nói trên.

[4] *Xét yêu cầu độc lập của ông Tô Kim A và bà Lê Thị Kim C:*

Theo lời khai các bên đương sự, vợ chồng ông A và bà C có nhận cố đất của vợ chồng ông H và bà Sáu N, với diện tích đất khoảng 08 công tầm cắt (11.423,4 m^2), đất LUA, tại thửa 1623 - tờ bản đồ 01, tọa lạc tại Ấp V - xã V – huyện Vĩnh Thạnh – Tp. Cần Thơ. Thời hạn cố đất là 02 năm (05/9/2015 đến 05/9/2017), với số tiền cố đất là 350.000.000 đồng; nếu đến hạn mà bên ông H không chuộc lại đất thì vợ chồng ông A được tiếp tục sử dụng. Sau khi cố đất, vợ chồng ông A đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác. Tính đến nay đã quá thời hạn cố đất hơn 02 năm mà bên ông H vẫn chưa chuộc lại đất.

Tuy nhiên, việc các đương sự thiết lập, thực hiện hợp đồng cầm cố đất là vi phạm các quy định của pháp luật. Bởi theo Luật đất đai năm 2013 và Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực điều chĩnh vào thời điểm xác lập giao dịch cầm cố đất giữa các đương sự) không thừa nhận quyền cầm cố đất của hộ gia đình, cá nhân. Do đó, giao dịch cố đất được xác lập theo "Giấy cố đất ruộng" ngày 05/9/2015 giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông H là vô hiệu. Khi giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì buộc các bên phải giao trả lại cho nhau những gì đã nhận. Vì vậy, ông A và bà C yêu cầu vợ chồng ông H và bà Sáu N có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông số tiền cố đất là 350.000.000 đồng là có cơ sở, nên chấp nhận. Đồng thời với việc buộc vợ chồng ông H trả lại tiền cố đất cũng buộc vợ chồng ông A giao lại thửa đất 1623 cho vợ chồng ông H.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định tương ứng với số tiền 1.281.438.104 đồng, tính ra án phí là: 36.000.000 đồng + 03% x (1.281.438.104 đồng – 800.000 đồng) = 50.443.143 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.587.000 đồng.

[6] Về án phí giải quyết yêu cầu độc lập: Do yêu cầu của người liên quan được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định tương ứng với số tiền phải trả 350.000.000 đồng, tính ra án phí là 05% x 350.000.000 đồng = 17.500.000 đồng.

Vợ chồng ông A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Lỗi phát sinh vụ kiện là thuộc về bị đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tổng cộng là 5.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[8] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như trên là có cơ sở như những gì đã phân tích.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 6, 26, 30, 35, 39, 91, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 116, 117, 122, 123, 131, 500, 501, 502, 503, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 118 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP X số nợ vay tính đến ngày 30/10/2019, gồm:

+ Nợ gốc: 800.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 481.438.104 đồng;

Tổng cộng là: 1.281.438.104 *đồng (một tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi tám ngàn, một trăm lẻ bốn đồng).*

Và còn phải trả số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/10/2019, theo Hợp đồng tín dụng số 59.165/2015/HĐTD-HKD/PGBank-CT.08 ngày 17/3/2015 được ký kết giữa ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N với Ngân hàng TMCP – Chi nhánh C.

Thời gian, phương thức trả nợ do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền khi thi hành án.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không dứt nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 590.165A/2015/PGBCT/BĐ.08 ngày 17/3/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 590.165B/2015/PGBCT/BĐ.08 ngày 17/3/2015 được ký kết giữa ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N với Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh C, để thu hồi số nợ nói trên.

Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp thì vị trí, kích thước phần đất tại thửa 1304 được xác định theo Bản trích đo địa chính số 96/TTKTTNMT ngày 16/10/2019 của Trung tâm Kỷ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

2. Buộc ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N có trách nhiệm trả cho ông Tô Kim A và bà Lê Thị Kim C số tiền cố đất là 350.000.000 đồng *(ba trăm năm mươi triệu đồng)*. Ông Tô Kim A và bà Lê Thị Kim C giao trả lại thửa đất 1623 - tờ bản đồ 01, tọa lạc tại Ấp V - xã V – huyện Vĩnh Thạnh – Tp. Cần Thơ cho ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N.

Thời gian và phương thức thực hiện do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.443.143 đồng *(năm mươi triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, một trăm bốn mươi ba đồng).*

Ngân hàng TMCP X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.587.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/004564 ngày 22/02/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập là 17.500.000 đồng *(mười bảy triệu, năm trăm ngàn đồng)*.

Ông Tô Kim A và bà Lê Thị Kim C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/004678 ngày 22/4/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tổng cộng là 5.500.000 đồng *(năm triệu, năm trăm ngàn đồng)*. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X đã nộp tạm ứng trước, nên ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Sáu N có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày *(mười lăm ngày)* kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Kiệt

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.